

Van điện từ VSVA-B.-F.

Số bộ phận: 8033845

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	2/2 đóng đơn ổn định 2x3 / 2 chiều, monostable, đóng 2x3/2 mở ổn định đơn 2x3/2 mở/đóng đơn ổn định 5/2 lưỡng ổn định 5/2 lưỡng ổn chiếm ưu thế 5/2 đơn ổn định 5/3 thông gió 1 sau 2, 4 sau 5 đóng 5/3 thông gió 5/3 được thông khí 5/3 đóng 5/3, cổng nối 2 được thông khí, 4 được thoát khí 5/3, cổng nối 4 được thông khí, 2 được thoát khí
Kiểu vận hành	điện
Chiều rộng lắp đặt	42 mm 52 mm
Lưu lượng danh định được chuẩn hóa theo ISO 8778	1400 l/ph...4100 l/ph
Cổng nối làm việc bằng khí nén	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1 Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Điện áp vận hành	12V DC 230V AC
Áp suất vận hành	-0.9 bar...16 bar
Cấu trúc xây dựng	thanh trượt pít tông
Kiểu cài đặt lại	lò xo cơ học lò xo khí nén
Mức độ bảo vệ	IP65 NEMA 4
Chiều rộng định mức	11.5 mm 8 mm
Kích thước lưới	43 mm 53 mm
Chức năng khí xả	qua đế van
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Tuân theo tiêu chuẩn	ISO 5599-1

Đặc tính	Giá trị
Nút ghi đè	khớp không Phát hiện qua phụ kiện quét
Kiểu điều khiển	điều khiển trước
Kiểm soát cung cấp không khí	bên ngoài trong
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược có thể đảo ngược
Xếp chồng	gối chống dương
Áp suất điều khiển	3 bar...10 bar
Phù hợp với chân không	có không
giá trị b	0.091 ...1.7
Giá trị C	3.098 l/s*bar...8.578 l/s*bar
Van lưu lượng	1200 l/ph...3800 l/ph
Tần số chuyển mạch tối đa	1 Hz...5 Hz
Thời gian chuyển mạch tắt	25 ms...83 ms
Thời gian chuyển mạch bật	18 ms...56 ms
Thời gian chuyển đổi lúc	16 ms...40 ms
Thời gian bật	100%
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 0,35 W
Dao động điện áp cho phép	+/- 10 %
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ trung bình	-10 °C...50 °C
Độ ẩm tương đối	0 - 90 %
Mức áp suất âm thanh	85 dB(A)
Môi chất kiểm soát	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...50 °C
Mô-men xoắn siết tối đa cho bộ phận gắn van	1 N m...2 N m
trọng lượng sản phẩm	350 g...803 g
Cổng nối điện	Dạng A Dạng B Dạng C M12x1, được mã hóa A theo DESINA M12x1, được mã hóa A theo EN 61076-2-101 theo EN 175301-803
Kiểu gắn	trên tấm kết nối
Cổng nối khí điều khiển 12	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1 Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí điều khiển 14	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1 Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 1	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1 Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 2	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1 Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 3	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1 Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 4	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1 Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Cổng nối khí nén 5	Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-1 Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-1
Giao diện điều khiển trước	theo ISO 15218
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS